

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG ANH
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2018/HC-ST
Ngày 12-7-2018
V/v yêu cầu hủy Quyết định
cưỡng chế buộc thực hiện biện
pháp khắc phục hậu quả và yêu
cầu bồi thường thiệt hại.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Anh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Đệ

Ông Dương Xuân Thìn

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Bích Nguyệt - Thư ký Toà án nhân dân huyện Đông Anh thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Việt Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đông Anh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 04/2017/TLST-HC ngày 30 tháng 11 năm 2017 về việc yêu cầu hủy Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả và yêu cầu bồi thường thiệt hại theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2018/QĐXXST-HC ngày 29 tháng 5 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2108/QĐST-HC ngày 18 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

Người khởi kiện:

1. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 196x

2. Bà Võ Thị Kim T, sinh năm 196x

Cùng trú tại: Xóm V, xã C, huyện Đ, Thành phố H.

Người bị kiện: Chủ tịch UBND xã C, huyện Đ, Thành phố H do bà Nguyễn Thị L - Chủ tịch UBND xã C là người đại diện theo pháp luật.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Nguyễn Kim N - Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân xã C, theo Giấy uỷ quyền ngày 09 tháng 5 năm 2018.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân xã C, huyện Đ, Thành phố H - Do bà Nguyễn Thị L - Chủ tịch UBND xã C là người đại diện theo pháp luật;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Khả Ng - Phó Chủ tịch UBND xã C theo Giấy uỷ quyền ngày 09 tháng 5 năm 2018.

2. Anh Nguyễn Hữu N, sinh năm 198x

3. Chị Nguyễn Thị Nh, sinh năm 198x

Cùng trú tại: Xóm V, xã C, huyện Đ, Thành phố H.

(Có mặt: ông H, bà T, ông N, ông Ng; Vắng mặt: anh N, chị Nh).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 24/10/2017, Đơn khởi kiện bổ sung ghi ngày 09/11/2017 và các lời khai tại Tòa án người khởi kiện là ông Nguyễn Văn H và bà Võ Thị Kim T trình bày:

Gia đình ông, bà hiện đang quản lý và sử dụng thửa đất số 90, tờ bản đồ số 35, (số cũ là thửa 233, tờ bản đồ số 6i) tại xóm V, xã C, huyện Đ, Thành phố H, có diện tích là 160m² (chưa tính diện tích ngõ đi), hiện gia đình ông, bà chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đối với thửa đất gia đình ông, bà đang quản lý gia đình ông, bà hiện chỉ có các hóa đơn thu tiền sử dụng đất là 160m² do UBND xã thu hàng năm, ngoài ra gia đình ông, bà không có giấy tờ gì khác về quyền sở hữu thửa đất.

Nguồn gốc thửa đất là do các cụ để lại, trước đây thửa đất gồm toàn bộ diện tích đất của các hộ gia đình ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị Kim N và gia đình ông, bà đang sử dụng hiện nay. Sau đó ông nội ông H có bán cho ông nội của ông Nguyễn Kim Nh (ông Nh bố bà N) toàn bộ diện tích ao (hiện nay là một phần đất gia đình bà N đang sử dụng), việc mua bán không lập văn bản mua bán và không xác định rõ phần diện tích đã bán. Phần đất còn lại ông nội ông giao lại cho bố ông và ông Nguyễn Văn S là anh ruột quản lý, do ông S mất sớm lên bố ông quản lý toàn bộ thửa đất từ khoảng năm 1930. Ông S có một người con là ông Nguyễn Văn D do bố ông nuôi từ khi còn nhỏ. Năm 1980 bố ông chết, trước khi chết bố ông có chia đất cho ông và ông Nguyễn Văn D quản lý sử dụng như hiện nay, việc bố ông chia đất chỉ nói miệng và không lập thành văn bản. Khi bố ông chia đất cho ông và ông D, bố ông có bớt một phần đất để làm ngõ đi của hai gia đình như hiện nay.

Năm 1993, ông D được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với thửa đất số 232 diện tích 140m² và thửa đất số 245 diện tích 43m², tờ bản đồ số 6i. Năm 2006, bà Nguyễn Thị Kim N (con ông Nh) được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 2, tờ bản đồ số 45 diện tích 124m². Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình bà N gia đình ông không được biết.

Quá trình sử dụng đất gia đình ông đã xây tường trên ngõ đi của gia đình ông ngăn với phần đất của gia đình bà N, trong năm 2011 gia đình ông 03 lần xây bức tường ngăn lối đi và gia đình bà N đã 03 lần đập phá tường của gia đình ông. Cuối năm 2011 ông xây lại 02 bức tường ngăn có chiều dài khoảng hơn 14m và chiều cao trung bình là 1,5m.

Việc UBND xã C lập Biên bản vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai đối ông lúc nào ông không được biết và ông cũng không được ký hay được giao biên bản vi phạm hành chính trên.

Ngày 27/6/2016, UBND xã C ra Quyết định số 152/QĐ-KPHQ về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả, buộc ông trong thời hạn 10 ngày phải tháo dỡ 02 bức tường rào ông đã xây, ngày 04/7/2016 ông đã có đơn khiếu nại quyết định trên. Ngày 16/8/2016, Chủ tịch UBND xã C ra Quyết định số 180/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại với nội dung giữ nguyên Quyết định số

152/QĐ-KPHQ. UBND xã C đã giao cho ông Quyết định số 180/QĐ-UBND nhưng ông không nhớ cụ thể ngày giao, ông không khiếu nại hay khởi kiện đối với Quyết định số 180/QĐ-UBND.

Ngày 22/8/2016, UBND xã C ra Quyết định số 182/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thi hành Quyết định số 152/QĐ-KPHQ và Thông báo số 86/TB-UBND về việc tổ chức cưỡng chế vào ngày 30/8/2016 và giao cho ông ngày 22/8/2016. Ngày 26/8/2016, ông có đơn khiếu nại Quyết định số 182/QĐ-UBND gửi đến UBND xã C và UBND huyện Đ. Ngày 29/8/2016 UBND xã C ra Thông báo số 90/TB-UBND về việc hoãn thi hành Quyết định số 182/QĐ-UBND. Ngày 05/11/2016, UBND xã C ra Quyết định số 259/QĐ-UBND với nội dung giữ nguyên quyết định số 182/QĐ-UBND. Ông đã được UBND xã C giao Quyết định số 259/QĐ-UBND, ông không khiếu nại hay khởi kiện đối với Quyết định số 259/QĐ-UBND.

Ngày 19/6/2017, UBND xã C tiếp tục ra Thông báo số 66/TB-UBND về việc thi hành Quyết định số 182/QĐ-UBND vào hồi 08 giờ 30 phút ngày 04/7/2017. Thông báo này UBND xã C không giao cho ông và ông không được biết nội dung Thông báo này. Ngày 04/7/2017, UBND xã C tổ chức việc cưỡng chế tháo dỡ 02 bức tường rào của gia đình ông mà không thông báo cho ông biết trước. Việc cưỡng chế tháo dỡ không được UBND xã lập biên bản kiểm tra hiện trạng công trình và lập biên bản về việc cưỡng chế thi hành Quyết định số 182/QĐ-UBND mặc dù ông đã yêu cầu và cũng không giao biên bản cho ông. Sau khi cưỡng chế UBND xã đã mang toàn bộ vật liệu xây dựng của 02 bức tường của gia đình ông đi nơi khác mà không thông báo cho ông biết.

Ông H, bà T xác định phần diện tích đất ngõ đi hiện nay là đất của gia đình ông, bà, và gia đình ông, bà có quyền xây dựng 02 bức tường trên đất của gia đình mình. Việc UBND xã C xác định gia đình ông vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai về việc xây tường trên đất ngõ đi chung và ra Quyết định số 152/QĐ-KPHQ về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả và Quyết định số 182/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thi hành Quyết định số 152/QĐ-KPHQ là không đúng quy định của pháp luật, ảnh hưởng đến quyền lợi của gia đình ông.

Nay, ông, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đông Anh hủy Quyết định số 182/QĐ-UBND ngày 22/8/2016 của Chủ tịch UBND xã C và yêu cầu người bị kiện bồi thường thiệt hại cho gia đình ông đối với 02 bức tường bị tháo dỡ với tổng số tiền là 6.000.000 đồng.

Ông Nguyễn Kim N - Phó Chủ tịch UBND xã C là người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện trình bày: Về nguồn gốc thửa đất: Hiện nay UBND xã không lưu giữ hồ sơ địa chính về quản lý đất đai giai đoạn trước năm 1984. Theo bản đồ địa chính 299, đo vẽ năm 1984 thì thửa đất của gia đình ông H, bà T đang quản lý có số thửa là 233, tờ bản đồ số 6i, diện tích 130m². Bản đồ thể hiện phía Đông thửa đất nhà ông H giáp thửa 80, 91; phía Bắc giáp thửa 87; phía Tây giáp thửa 89; phía Nam giáp ngõ đi của xóm. Theo bản đồ địa chính 364 đo vẽ năm 1995, thửa đất của gia đình ông H là thửa số 90, tờ bản đồ số 35, diện tích 130m². Năm 1993, ông H đã làm Đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất đối

với thửa đất trên và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 930900 là đất ở. Hiện nay, UBND xã không lưu giữ được toàn bộ hồ sơ xin cấp và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho gia đình ông H. Phần diện tích ngõ đi hiện nay từ thửa đất của gia đình ông H, bà T ra đường làng là ngõ đi của thôn gồm các hộ gia đình ông L, bà N, ông D và ông H sử dụng.

Quá trình sử dụng đất, năm 2011 ông H xây dựng 02 bức tường trên phần đất ngõ đi chung trên ngăn cách thửa đất của ông Nguyễn Kim Nh (là người được bà N ủy quyền quản lý), cụ thể: Tường 01: xây 110mm, dài 9,1m, cao 1,35m; Tường 02 xây 110mm, dài 4,95m, cao 1,15m. Ngày 01/10/2015, UBND xã C đã lập Biên bản vi phạm hành chính về việc xây dựng 02 bức tường trên ngõ đi chung của ông H và xác định rõ chiều dài, chiều cao trong biên bản nhưng ông H không hợp tác và không ký biên bản.

Do vi phạm hành chính đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại khoản 1 Điều 66 Luật xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13 nên ngày 27/6/2016, UBND xã C ban hành Quyết định số 152/QĐ-KPHQ về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc ông H trong thời hạn 10 ngày phải tháo dỡ 02 bức tường rào đã xây. Ông H có đơn khiếu nại quyết định số 152/QĐ-KPHQ. Ngày 16/8/2016, Chủ tịch UBND xã C ra Quyết định số 180/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại với nội dung giữ nguyên Quyết định số 152/QĐ-KPHQ. Ngày 22/8/2016, UBND xã C ra Quyết định số 182/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thi hành Quyết định số 152/QĐ-KPHQ và Thông báo số 86/TB-UBND về việc tổ chức cưỡng chế thi hành Quyết định số 182/QĐ-UBND. Ngày 26/8/2016, ông H có đơn khiếu nại Quyết định số 182/QĐ-UBND. Ngày 05/11/2016, UBND xã C ra Quyết định số 259/QĐ-UBND với nội dung giữ nguyên Quyết định số 182/QĐ-UBND như ông H trình bày.

Ngày 19/6/2017, UBND xã C ra Thông báo số 66/TB-UBND về việc thi hành Quyết định số 182/QĐ-UBND vào hồi 08 giờ 30 phút ngày 04/7/2017. UBND xã đã 03 lần gửi Thông báo qua bưu điện (chuyển phát nhanh) cho ông H nhưng ông H không nhận, tổ công tác của UBND xã đã đến nhà làm việc và Thông báo nội dung Thông báo số 66/TB-UBND cho ông H và lập biên bản về việc ông H không nhận Thông báo và Thông báo trên loa truyền thanh của thôn. Việc cưỡng chế tháo dỡ 02 bức tường có mặt ông H, UBND xã đã lập biên bản cưỡng chế thi hành nhưng ông H không ký biên bản. Sau khi cưỡng chế phá dỡ chỉ còn là gạch vụn, UBND xã đã vận chuyển đến nơi tập kết vật liệu xây dựng, đến nay đã lẫn vào các vật liệu xây dựng khác.

Việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã C ban hành Quyết định cưỡng chế chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả và việc tổ chức thực hiện cưỡng chế phá dỡ toàn bộ 02 bức tường của gia đình ông H là đúng quy định của pháp luật. Chủ tịch UBND xã C không chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện về hủy Quyết định số 182/QĐ-UBND ngày 22/8/2016 và yêu cầu bồi thường thiệt hại đối với 02 bức tường bị tháo dỡ với tổng số tiền là 6.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Nguyễn Hữu N và chị Nguyễn Thị Nh là con của ông H, bà T đã có lời khai nhất trí với ý kiến trình bày của ông H, bà T và đề nghị được vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án nhân dân huyện Đông Anh.

- UBND xã C do ông Nguyễn Khả Ng là người đại diện theo ủy quyền trình bày: UBND xã C đã được Tòa án thông báo về giá trị các tài sản cưỡng chế tháo dỡ của gia đình ông H, bà T mà ông H, bà T đã thống nhất với người bị kiện có trị giá là 6.000.000 đồng, nhất trí với giá trị tài sản mà các bên đã thống nhất và không có ý kiến gì. Việc ban hành Quyết định cưỡng chế, quá trình thực hiện quyết định cưỡng chế là đúng theo quy định của pháp luật. Ủy ban nhân dân xã C không đồng ý với yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại của gia đình ông H.

Tại phiên tòa, ông H, bà T vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vẫn giữ nguyên ý quan điểm như đã trình bày trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán đã thực hiện đúng theo Luật tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật, không vi phạm tố tụng. Các đương sự chấp hành các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung của vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H và bà Võ Thị Kim T về việc yêu cầu hủy Quyết định số 182/QĐ-UBND ngày 22/8/2016 của Chủ tịch UBND xã C về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả và không chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại của người khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo quy định tại Khoản 1 Điều 3 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015 thì Quyết định số 182/QĐ-UBND ngày 22/8/2016 của Chủ tịch UBND xã C về việc Cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả được xác định là Quyết định hành chính và là Quyết định hành chính thuộc đối tượng khởi kiện của vụ án hành chính. Ngày 22/8/2016 Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã C ban hành Quyết định số 182/QĐ-UBND về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả. Không đồng ý với Quyết định trên ngày 26/8/2016 ông H có đơn khiếu nại Quyết định số 182/QĐ-UBND gửi đến Chủ tịch UBND xã C và UBND huyện Đ. Ngày 05/11/2016, UBND xã C ra Quyết định số 259/QĐ-UBND với nội dung giữ nguyên quyết định số 182/QĐ-UBND. Không đồng ý với Quyết định số 182/QĐ-UBND, ngày 25/10/2017 ông H, bà T làm đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện Đông Anh yêu cầu hủy Quyết định số 182/QĐ-UBND ngày 22/8/2016 của UBND xã C và bồi thường thiệt hại đối với 02 bức tường bị tháo dỡ. Như vậy, đơn khởi kiện của ông H, bà T là trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính 2015 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đông Anh theo quy định tại khoản 1 Điều 30 và khoản 1 Điều 31 Luật tố tụng hành chính.

[2] Tại đơn khởi kiện ngày 24/10/2017, Đơn khởi kiện bổ sung ghi ngày 09/11/2017, các lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa người khởi kiện ông Nguyễn Văn H và bà Võ Thị Kim T khẳng định ông, bà chỉ khởi kiện đối với Quyết định số 182/QĐ-UBND ngày 22/8/2016 của Chủ tịch UBND xã C về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại khi thực hiện quyết định cưỡng chế. Xét yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện về thẩm quyền, trình tự, hình thức, căn cứ ban hành và nội dung Quyết định số 182/QĐ-UBND xét thấy:

Ngày 01-10-2015, UBND xã C lập Biên bản vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai đối với ông Nguyễn Văn H về việc xây dựng 02 bức tường trên ngõ đi chung, gây cản trở cho việc sử dụng đất của gia đình ông Nh, Biên bản có xác nhận của chính quyền địa phương và người làm chứng là phù hợp với quy định tại điều 58 Luật xử lý vi phạm hành chính. Do vi phạm hành chính đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại khoản 1 Điều 66 Luật xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13 nên ngày 27/6/2016 UBND xã C ban hành Quyết định số 152/QĐ-KPHQ về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc ông H trong thời hạn 10 ngày phải tháo dỡ 02 bức tường rào đã xây là phù hợp với quy định tại Điều 28 và Điều 65 Luật xử lý vi phạm hành chính. Ông H có đơn khiếu nại quyết định số 152/QĐ-KPHQ, ngày 16/8/2016, Chủ tịch UBND xã C ra Quyết định số 180/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại với nội dung giữ nguyên Quyết định số 152/QĐ-KPHQ, ông H không khởi kiện đến Tòa án và khiếu nại tiếp theo đối với Quyết định số 152/QĐ-KPHQ và Quyết định số 180/QĐ-UBND của UBND xã C. Do vậy, Quyết định số 152/QĐ-KPHQ về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả có hiệu lực thi hành.

[3] Về thẩm quyền ban hành Quyết định: Trên cơ sở Quyết định số 152/QĐ-KPHQ về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả và Quyết định số 180/QĐ-UBND có hiệu lực thi hành, ngày 22/8/2016 Chủ tịch UBND xã C ban hành Quyết định số 182/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thi hành Quyết định số 152/QĐ-KPHQ. Theo quy định tại điểm d Khoản 2 Điều 86, Khoản 1 Điều 87 Luật xử lý vi phạm hành chính thì Chủ tịch Ủy ban nhân xã C có thẩm quyền ban hành quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả. Chủ tịch UBND xã C ban hành Quyết định số 182/QĐ-UBND về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả là đúng thẩm quyền.

[4] Về trình tự, thủ tục và hình thức Quyết định: Quyết định số 152/QĐ-KPHQ và Quyết định giải quyết khiếu nại số 180/QĐ-UBND về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả có hiệu lực thi hành, ông H không thực hiện nên ngày 22/8/2016 Chủ tịch UBND xã C ban hành Quyết định số 182/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thi hành Quyết định số 152/QĐ-KPHQ. Quyết định số 182/QĐ-UBND được thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục và hình thức quy định tại Điều 3, Điều 5 và Điều 33, Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

[5] Về nội dung Quyết định: Quyết định số 152/QĐ-KPHQ và Quyết định giải quyết khiếu nại số 180/QĐ-UBND về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc ông H phải tự tháo dỡ 02 bức tường rào đã xây dựng và trả lại nguyên trạng ban đầu cho khu đất được ban hành đúng quy định của pháp luật và có hiệu lực thi hành. Chủ tịch UBND xã C căn cứ vào Quyết định số 152/QĐ-KPHQ áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả có hiệu lực thi hành và căn cứ vào Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính để ban hành Quyết định số 182/QĐ-UBND về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật. Việc tổ chức thi hành Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đã được UBND xã C thông báo cho ông H và lập biên bản về việc cưỡng chế thi hành theo đúng trình tự thủ tục quy định tại Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ.

[6] Từ phân tích, nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy: Quyết định số 182/QĐ-UBND ngày 22/8/2016 của Chủ tịch UBND xã C về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đã được ban hành đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục, hình thức văn bản, nội dung theo quy định của pháp luật và việc tổ chức cưỡng chế thi hành đã được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Do đó, không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H và bà Võ Thị Kim T về việc yêu cầu Huỷ Quyết định số 182/QĐ-UBND ngày 22/8/2016 của Chủ tịch UBND xã C.

[7] Về yêu cầu bồi thường thiệt hại của ông Nguyễn Văn H và bà Võ Thị Kim T yêu cầu Ủy ban nhân dân xã C bồi thường thiệt hại cho gia đình ông các tài sản mà UBND xã C đã phá dỡ với số tiền là 6.000.000 đồng. Xét thấy, Quyết định số 182/QĐ-UBND ngày 22/8/2016 của Chủ tịch UBND xã C về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đã được ban hành đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục, hình thức, nội dung và việc tổ chức thực hiện quyết định cưỡng chế theo đúng quy định của pháp luật nên không phát sinh trách nhiệm bồi thường theo quy định tại Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

[8] Xét các lý do ông H, bà T đưa ra để chứng minh việc ban hành Quyết định số 182/QĐ-UBND ngày 22/8/2016 về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả là trái pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy:

Đối với lý do người bị kiện căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 11 Nghị định số 105/2009/NĐ-CP ngày 11/11/2009 của Chính phủ, văn bản đã hết hiệu lực thi hành để làm căn cứ ban hành Quyết định số 152/QĐ-KPHQ là vi phạm pháp luật, xét thấy: Điểm b khoản 1 Điều 11 Nghị định số 105/2009/NĐ-CP ngày 11/11/2009 của Chính phủ quy định về hình thức xử phạt và mức xử phạt đối với hành vi gây cản trở cho việc sử dụng đất của người khác nhưng Quyết định số 152/QĐ-KPHQ là quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả không phải là quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Quyết định số 152/QĐ-KPHQ căn vào quy định tại Điều 28 và Điều 65 Luật xử lý vi phạm hành chính là đúng quy định của pháp luật, việc viện dẫn điểm b khoản 1 Điều 11 Nghị định số

105/2009/NĐ-CP ngày 11/11/2009 của Chính phủ để ban hành Quyết định số 152/QĐ-KPHQ là không cần thiết, UBND xã C cần rút kinh nghiệm trong việc áp dụng pháp luật.

Đối với lý do ông H, bà T xác định 02 bức tường ông, bà xây dựng là xây trên phần đất thuộc quyền quản lý và sử dụng hợp pháp của ông, bà và không gây cản trở cho việc sử dụng đất của người khác, xét thấy: Ông H, bà T có lời khai xác định thửa đất gia đình ông, bà đang quản lý, sử dụng gia đình ông, bà hiện chỉ có các hóa đơn thu tiền sử dụng đất là 160m² do của UBND xã thu hàng năm, ngoài ra gia đình ông, bà không có giấy tờ gì khác về quyền sử dụng thửa đất. Theo các tài liệu về quản lý đất đai do UBND xã C cung cấp là bản đồ địa chính 299 đo vẽ năm 1984 và bản đồ địa chính 364 đo vẽ năm 1995 tỷ lệ 1/500, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho gia đình ông D, bà N đều xác định phần diện tích ngõ đi gia đình ông H, bà T xây dựng 02 bức tường là ngõ đi chung của thôn. Do đó, có cơ sở xác định diện tích ngõ đi gia đình ông H, bà T xây dựng 02 bức tường là ngõ đi của thôn, việc xây dựng 02 bức tường của ông H, bà T là vi phạm pháp luật hành chính về quản lý đất đai.

[9] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và án phí: Do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên ông H, bà T phải chịu tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và án phí theo quy định.

[10] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 3; khoản 1 Điều 30; khoản 1 Điều 31; điểm a khoản 2 Điều 116; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 204; Điều 206; khoản 1 Điều 348; khoản 1 Điều 358 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 86; Điều 87; Điều 88 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012;

- Căn cứ vào Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước;

- Căn cứ vào Điều 5; Điều 6; Điều 33; Điều 34; Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ Quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H và bà Võ Thị Kim T yêu cầu hủy Quyết định số 182/QĐ-UBND ngày 22/8/2016 của Chủ tịch UBND xã C, huyện Đ, Thành phố H về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

2. Không chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại của ông Nguyễn Văn H và bà Võ Thị Kim T đối với Chủ tịch UBND xã C, huyện Đ, Thành phố H.

3. Về án phí và chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Văn H và bà Võ Thị Kim T phải chịu 900.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản. Xác nhận ông

Nguyễn Văn H và bà Võ Thị Kim T đã nộp đủ số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản là 900.000 đồng.

Ông Nguyễn Văn H và bà Võ Thị Kim T phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số AB/2015/0000991 ngày 30-11-2017 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đông Anh. Ông Nguyễn Văn H và bà Võ Thị Kim T còn phải nộp 300.000 đồng.

Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát huyện Đông Anh;
- Ủy ban nhân dân huyện Đông Anh;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Anh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Cao Anh Tuấn
(Đã ký)**